

BIÊN BẢN THANH, QUYẾT TOÁN CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

Quý 1 Năm 2019

Căn cứ hợp đồng KCB BHYT số: 40017 Ngày 28 tháng 12 năm giữa BHXH huyện Quỳnh Châu Và TTYT huyện Quỳnh Châu
Hôm nay, Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu
Chúng tôi gồm:

Đại diện cơ quan BHXH: Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Châu

Ông (Bà): Vương Đình Hòa

Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): Đặng Hoàng Anh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông (Bà): Võ Thị Hoa

Chức vụ: Kế Toán Giám định BHYT

Đại diện cơ sở khám, chữa bệnh: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu

Ông (Bà): Đặng Tân Minh

Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): Hà Văn Hải

Chức vụ: Trưởng phòng KHTH

Ông (Bà): Lê Hữu Ngọc

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông (Bà): Đặng thị Ninh

Chức vụ: Kế toán thanh toán BHYT

Cùng nhau tiến hành xác định và lập biên bản thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT quý 1 năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phát sinh trong quý	Điều chỉnh các quý trước	Tổng số phát sinh trong quý	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2	3=1+2	4
A	KINH PHÍ CHI KCB ĐƯỢC SỬ DỤNG	1	4.545.276.296	0	4.545.276.296	4.545.276.296
1	Tổng mức thanh toán chi KCB	2				
2	Dự toán chi KCB BHYT	3	4.545.276.296		4.545.276.296	4.545.276.296
B	CHI KCB BHYT PHÁT SINH TẠI CƠ SỞ KCB	4=5+43	3.882.953.613	0	3.882.953.613	3.882.953.613
B1	CHI KCB ĐƯA VÀO QUYẾT TOÁN	5=6+9+16-29	3.841.205.752	0	3.841.205.752	3.841.205.752
I	Chi của bệnh nhân ĐKBĐ	6	3.719.248.603	0	3.719.248.603	3.719.248.603
1	Chi phát sinh trong kỳ	7	3.719.248.603		3.719.248.603	3.719.248.603
2	Chi trong định suất	8				
II	Chi đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	9=10+13	66.669.122	0	66.669.122	66.669.122
1	Tính trong tổng mức thanh toán	10	65.488.656	0	65.488.656	65.488.656
1.1	Nghị định 146	11	65.488.656		65.488.656	65.488.656
1.2	Nghị định 70 (chi trong phạm vi BHYT)	12				
2	Tính ngoài tổng mức thanh toán	13	1.180.465	0	1.180.465	1.180.465
1.1	Nghị định 146	14	1.180.465		1.180.465	1.180.465
1.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	15				
III	Chi đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	16=17+23	55.288.028	0	55.288.028	55.288.028
1	Tính trong tổng mức thanh toán	17	55.288.028	0	55.288.028	55.288.028
1.1	Nghị định 146	18	49.891.848		49.891.848	49.891.848
1.2	Nghị định 70 (chi trong phạm vi BHYT)	19	5.396.180		5.396.180	5.396.180
1.2.1	Đối tượng QN	20	518.648		518.648	518.648
1.2.2	Đối tượng CA	21	4.877.532		4.877.532	4.877.532
1.2.3	Đối tượng CY	22	0		0	0
2	Tính ngoài tổng mức thanh toán	23	0		0	0
2.1	Nghị định 146	24	0		0	0
2.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	25	0		0	0
2.2.1	Đối tượng QN	26	0		0	0
2.2.2	Đối tượng CA	27	0		0	0
2.2.3	Đối tượng CY	28	0		0	0
IV	Chi KCB từ chối ngoài bảng	29=30+31+34	0	0	0	0
1	Chi của bệnh nhân ĐKBĐ tại cơ sở	30				
2	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	31	0	0	0	0
2.1	Nghị định 146	32				
2.2	Nghị định 70	33				
3	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	34	0	0	0	0
3.1	Nghị định 146	35				
3.2	Nghị định 70	36	0	0	0	0
3.2.1	Đối tượng QN	37				
3.2.2	Đối tượng CA	38				
3.2.3	Đối tượng CY	39				
V	Chi thanh toán từ nguồn tập trung	40=41+42	0	0	0	0
1	Chi KCB do quỹ BHYT thanh toán	41				
2	Chi cùng chi trả do Sở y tế/Quỹ KCB cho người nghèo/Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV phải trả	42				

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phát sinh trong quý	Điều chỉnh các quý trước	Tổng số phát sinh trong quý	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2	3=1+2	4
B2	CHI KCB TỪ CHỐI QUYẾT TOÁN	43	41.747.861		41.747.861	41.747.861
B3	CHI KCB CHƯA QUYẾT TOÁN	44				
C	SỐ QUYẾT TOÁN TRONG KỲ	45=46+62	3.841.205.752	0	3.841.205.752	3.841.205.752
I	Quyết toán số chi KCB trong năm	46=47+59	3.841.205.752	0	3.841.205.752	3.841.205.752
1	Chi trong tổng mức thanh toán được quyết toán trong kỳ	47	3.840.025.287		3.840.025.287	3.840.025.287
1.1	Chi KCB ban đầu tại cơ sở	48	3.719.248.603		3.719.248.603	3.719.248.603
1.2	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	49	65.488.656		65.488.656	65.488.656
1.2.1	Nghị định 146	50	65.488.656		65.488.656	65.488.656
1.2.2	Nghị định 70	51				0
1.3	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	52	55.288.028		55.288.028	55.288.028
1.3.1	Nghị định 146	53	49.891.848		49.891.848	49.891.848
1.3.2	Nghị định 70	54	5.396.180		5.396.180	5.396.180
	Đối tượng QN	55	518.648		518.648	518.648
	Đối tượng CA	56	4.877.532		4.877.532	4.877.532
	Đối tượng CY	57	0		0	
1.4	Chi KCB thanh toán tập trung từ nguồn quỹ BHYT	58				
2	Chi KCB tính ngoài tổng mức thanh toán	59=60+61	1.180.465		1.180.465	1.180.465
2.1	Nghị định 146	60	1.180.465		1.180.465	1.180.465
2.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	61	0		0	0
II	Bổ sung chi KCB năm trước	62				
D	SỐ CHƯA QUYẾT TOÁN	63=64+65+66+67	0	0	0	0
1	Chi phí vượt tổng mức thanh toán, trong dự toán	64				
2	Chi phí vượt tổng mức thanh toán, vượt dự toán	65				
3	Chi trong tổng mức, vượt dự toán	66	0		0	0
4	Số chi KCB BHYT chưa thống nhất quyết toán	67			0	
E	SỐ DƯ CUỐI KỲ	68	704.070.543		704.070.543	704.070.543
1	Tổng mức thanh toán chi KCB chuyển kỳ sau	69			0	
2	Dự toán chi KCB chuyển kỳ sau	70	704.070.543		704.070.543	704.070.543
G	THANH TOÁN VỚI CƠ SỞ KCB	71			0	
I	Số tiền dư kỳ trước chuyển sang	72	794.004.253		794.004.253	794.004.253
II	Số tiền đã thanh toán trong kỳ	73	3.113.000.000		3.113.000.000	3.113.000.000
1	Số tiền thanh toán chi KCB quyết toán kỳ trước	74			0	0
2	Số tiền đã tạm ứng trong kỳ	75	3.113.000.000		3.113.000.000	3.113.000.000
3	Số tạm ứng 80% đối với chi KCB chưa thống nhất quyết toán kỳ trước, trong tổng mức thanh toán.	76			0	0
III	Số chi phải thanh toán theo số quyết toán trong kỳ (trừ chi phí thanh toán từ nguồn tập trung)	77	3.841.205.752	0	3.841.205.752	3.841.205.752
IV	Giảm trừ số chi đã quyết toán chi KCB năm trước	78	10.501.900		10.501.900	10.501.900
V	Số tiền tạm ứng còn dư chuyển kỳ sau	79=72+73-77+78	76.300.401		76.300.401	76.300.401

1. Ý kiến của cơ quan BHXH:

- Giảm trừ số tiền xuất toán năm 2018 theo cv 1314 là: 10,501,900 đồng.

2. Ý kiến của cơ sở khám, chữa bệnh:

CƠ SỞ KHÁM, CHỮA BỆNH BHYT
TRƯỞNG PHÒNG KHTH KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN BHXH
PHỤ TRÁCH GIÁM ĐỊNH BHYT THỦ TRƯỞNG

Hà Văn Hải

Lê Hữu Ngọc

Đặng Tân Minh

Võ Thị Hoa

Vương Đình Hòa

BIÊN BẢN THANH, QUYẾT TOÁN CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

Quý 2 Năm 2019

Căn cứ hợp đồng KCB BHYT số: 40017 Ngày 28 tháng 12 năm giữa BHXH huyện Quỳnh Châu Và TTYT huyện Quỳnh Châu
Hôm nay, Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu

Chúng tôi gồm:

Đại diện cơ quan BHXH: Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Châu

Ông (Bà): Vương Đình Hòa

Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): Đặng Hoàng Anh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông (Bà): Võ Thị Hoa

Chức vụ: Kế Toán Giám định BHYT

Đại diện cơ sở khám, chữa bệnh: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu

Ông (Bà): Đặng Tân Minh

Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): Hà Văn Hải

Chức vụ: Trưởng phòng KHTH

Ông (Bà): Lê Hữu Ngọc

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông (Bà): Đặng thị Ninh

Chức vụ: Kế toán thanh toán BHYT

Cùng nhau tiến hành xác định và lập biên bản thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT quý 2 năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phát sinh trong quý	Điều chỉnh các quý trước	Tổng số phát sinh trong quý	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2	3=1+2	4
A	KINH PHÍ CHI KCB ĐƯỢC SỬ DỤNG	1	4.545.276.296	0	4.545.276.296	9.090.552.592
1	Tổng mức thanh toán chi KCB	2				
2	Dự toán chi KCB BHYT	3	4.545.276.296		4.545.276.296	9.090.552.592
B	CHI KCB BHYT PHÁT SINH TẠI CƠ SỞ KCB	4=5+43	4.612.672.874	0	4.612.672.874	8.495.626.487
B1	CHI KCB ĐƯA VÀO QUYẾT TOÁN	5=6+9+16-29	4.563.299.334	0	4.563.299.334	8.404.505.086
I	Chi của bệnh nhân ĐKBĐ	6	4.447.500.263	0	4.447.500.263	8.166.748.866
1	Chi phát sinh trong kỳ	7	4.447.500.263		4.447.500.263	8.166.748.866
2	Chi trong định suất	8				
II	Chi đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	9=10+13	51.685.563	0	51.685.563	118.354.685
1	Tính trong tổng mức thanh toán	10	51.685.563	0	51.685.563	117.174.219
1.1	Nghị định 146	11	51.685.563		51.685.563	117.174.219
1.2	Nghị định 70 (chi trong phạm vi BHYT)	12				
2	Tính ngoài tổng mức thanh toán	13	0	0	0	0
1.1	Nghị định 146	14	0		0	1.180.465
1.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	15			0	1.180.465
III	Chi đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	16=17+23	64.113.508	0	64.113.508	119.401.536
1	Tính trong tổng mức thanh toán	17	62.268.376	0	62.268.376	117.556.404
1.1	Nghị định 146	18	43.770.800		43.770.800	93.662.648
1.2	Nghị định 70 (chi trong phạm vi BHYT)	19	18.497.576		18.497.576	23.893.756
1.2.1	Đối tượng QN	20	7.954.668		7.954.668	8.473.316
1.2.2	Đối tượng CA	21	10.542.908		10.542.908	15.420.440
1.2.3	Đối tượng CY	22	0			
2	Tính ngoài tổng mức thanh toán	23	1.845.132	0	1.845.132	1.845.132
2.1	Nghị định 146	24	1.242.432		1.242.432	1.242.432
2.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	25	602.700		602.700	602.700
2.2.1	Đối tượng QN	26	0		0	0
2.2.2	Đối tượng CA	27	602.700		602.700	602.700
2.2.3	Đối tượng CY	28				
IV	Chi KCB từ chối ngoài bảng	29=30+31+34	0	0	0	0
1	Chi của bệnh nhân ĐKBĐ tại cơ sở	30				
2	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	31	0	0	0	0
2.1	Nghị định 146	32				
2.2	Nghị định 70	33				
3	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	34	0	0	0	0
3.1	Nghị định 146	35				
3.2	Nghị định 70	36	0	0	0	0
3.2.1	Đối tượng QN	37				
3.2.2	Đối tượng CA	38				
3.2.3	Đối tượng CY	39				
V	Chi thanh toán từ nguồn tập trung	40=41+42	0	0	0	0
1	Chi KCB do quỹ BHYT thanh toán	41				
2	Chi cùng chi trả do Sở y tế/Quỹ KCB cho người nghèo/Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV phải trả	42				

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phát sinh trong quý	Điều chỉnh các quý trước	Tổng số phát sinh trong quý	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2	3=1+2	4
B2	CHI KCB TỪ CHỐI QUYẾT TOÁN	43	49.373.540		49.373.540	91.121.401
B3	CHI KCB CHƯA QUYẾT TOÁN	44				
C	SỐ QUYẾT TOÁN TRONG KỲ	45=46+62	4.545.276.296	0	4.545.276.296	8.386.482.049
I	Quyết toán số chi KCB trong năm	46=47+59	4.545.276.296	0	4.545.276.296	8.386.482.049
1	Chi trong tổng mức thanh toán được quyết toán trong kỳ	47	4.543.438.452		4.543.438.452	
1.1	Chi KCB ban đầu tại cơ sở	48	4.429.934.581		4.429.934.581	8.383.463.739
1.2	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	49	51.481.428		51.481.428	8.149.183.184
1.2.1	Nghị định 146	50	51.481.428		51.481.428	116.970.084
1.2.2	Nghị định 70	51			51.481.428	116.970.084
1.3	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	52	62.022.443		62.022.443	0
1.3.1	Nghị định 146	53	43.597.924		43.597.924	117.310.471
1.3.2	Nghị định 70	54	18.424.519		18.424.519	93.489.772
	Đối tượng QN	55	7.923.251		7.923.251	23.820.699
	Đối tượng CA	56	10.501.268		10.501.268	8.441.899
	Đối tượng CY	57	0		0	15.378.800
1.4	Chi KCB thanh toán tập trung từ nguồn quỹ BHYT	58			0	0
2	Chi KCB tính ngoài tổng mức thanh toán	59=60+61	1.837.844		1.837.844	
2.1	Nghị định 146	60	1.237.524		1.237.524	3.018.310
2.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	61	600.320		600.320	2.417.990
II	Bổ sung chi KCB năm trước	62			600.320	600.320
D	SỐ CHƯA QUYẾT TOÁN	63=64+65+66+67	18.023.038	0	18.023.038	18.023.038
1	Chi phí vượt tổng mức thanh toán, trong dự toán	64				
2	Chi phí vượt tổng mức thanh toán, vượt dự toán	65				
3	Chi trong tổng mức, vượt dự toán	66	18.023.038		18.023.038	18.023.038
4	Số chi KCB BHYT chưa thống nhất quyết toán	67			0	0
E	SỐ DƯ CUỐI KỲ	68			0	0
1	Tổng mức thanh toán chi KCB chuyển kỳ sau	69			0	704.070.543
2	Dự toán chi KCB chuyển kỳ sau	70	0		0	
G	THANH TOÁN VỚI CƠ SỞ KCB	71			0	704.070.543
I	Số tiền dư kỳ trước chuyển sang	72	76.300.401		76.300.401	
II	Số tiền đã thanh toán trong kỳ	73	4.194.000.000	0	4.194.000.000	794.004.253
1	Số tiền thanh toán chi KCB quyết toán kỳ trước	74			0	7.307.000.000
2	Số tiền đã tạm ứng trong kỳ	75	4.194.000.000		4.194.000.000	0
3	Số tạm ứng 80% đối với chi KCB chưa thống nhất quyết toán kỳ trước, trong tổng mức thanh	76			0	7.307.000.000
III	Số chi phải thanh toán theo số quyết toán trong kỳ (trừ chi phí thanh toán từ nguồn tập trung)	77	4.545.276.296		4.545.276.296	0
IV	Giảm trừ số chi đã quyết toán chi KCB năm trước	78			0	8.386.482.049
V	Số tiền tạm ứng còn dư chuyển kỳ sau	79=72+73-77+78	-274.975.896	0	-274.975.896	10.501.900
1. Ý kiến của cơ quan BHXH:						-274.975.896

2. Ý kiến của cơ sở khám, chữa bệnh:

CƠ SỞ KHÁM, CHỮA BỆNH BHYT
TRƯỞNG PHÒNG KHTH KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN BHXH
TP. GIÁM ĐỊNH BHYT THỦ TRƯỞNG

Hà Văn Hải

Lê Hữu Ngọc

Đặng Tân Minh

Võ Thị Hoa

Vương Đình Hòa

BIÊN BẢN THANH, QUYẾT TOÁN CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

Quý 3 Năm 2019

Căn cứ hợp đồng KCB BHYT số: 40017 Ngày 28 tháng 12 năm giữa BHXH huyện Quỳnh Châu Và TTYT huyện Quỳnh Châu
Hôm nay, Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu

Chúng tôi gồm:

Đại diện cơ quan BHXH: Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Châu

Ông (Bà): Vương Đình Hòa

Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): Đặng Hoàng Anh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông (Bà): Võ Thị Hoa

Chức vụ: Kế Toán Giám định BHYT

Đại diện cơ sở khám, chữa bệnh: Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu

Ông (Bà): Đặng Tân Minh

Chức vụ: Giám đốc

Ông (Bà): Hà Văn Hải

Chức vụ: Trưởng phòng KHTH

Ông (Bà): Lê Hữu Ngọc

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông (Bà): Đặng thị Ninh

Chức vụ: Kế toán thanh toán BHYT

Cùng nhau tiến hành xác định và lập biên bản thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT quý 3 năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phát sinh trong quý	Điều chỉnh các quý trước	Tổng số phát sinh trong quý	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2	3=1+2	4
A	KINH PHÍ CHI KCB ĐƯỢC SỬ DỤNG	1	4.545.276.296	0	4.545.276.296	13.635.828.887
1	Tổng mức thanh toán chi KCB	2				
2	Dự toán chi KCB BHYT	3	4.545.276.296		4.545.276.296	13.635.828.887
B	CHI KCB BHYT PHÁT SINH TẠI CƠ SỞ KCB	4=5+43	4.813.255.775	0	4.813.255.775	13.308.882.262
B1	CHI KCB ĐƯA VÀO QUYẾT TOÁN	5=6+9+16-29	4.787.185.016	0	4.787.185.016	13.191.690.102
I	Chi của bệnh nhân ĐKBĐ	6	4.640.946.535	0	4.640.946.535	12.807.695.401
1	Chi phát sinh trong kỳ	7	4.640.946.535		4.640.946.535	12.807.695.401
2	Chi trong định suất	8				
II	Chi đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	9=10+13	65.420.495	0	65.420.495	183.775.180
1	Tính trong tổng mức thanh toán	10	64.355.698	0	64.355.698	181.529.918
1.1	Nghị định 146	11	63.493.148		63.493.148	180.667.368
1.2	Nghị định 70 (chi trong phạm vi BHYT)	12	862.550		862.550	862.550
2	Tính ngoài tổng mức thanh toán	13	1.064.797	0	1.064.797	2.245.262
1.1	Nghị định 146	14	1.064.797		1.064.797	2.245.262
1.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	15				0
III	Chi đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	16=17+23	80.817.986	0	80.817.986	200.219.521
1	Tính trong tổng mức thanh toán	17	80.817.986	0	80.817.986	198.374.390
1.1	Nghị định 146	18	59.756.650		59.756.650	153.419.298
1.2	Nghị định 70 (chi trong phạm vi BHYT)	19	21.061.336		21.061.336	44.955.092
1.2.1	Đối tượng QN	20	2.447.229		2.447.229	10.920.545
1.2.2	Đối tượng CA	21	18.614.107		18.614.107	34.034.547
1.2.3	Đối tượng CY	22				
2	Tính ngoài tổng mức thanh toán	23				1.845.132
2.1	Nghị định 146	24	0		0	1.242.432
2.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	25	0		0	602.700
2.2.1	Đối tượng QN	26	0		0	0
2.2.2	Đối tượng CA	27	0		0	602.700
2.2.3	Đối tượng CY	28				0
IV	Chi KCB từ chối ngoài bảng	29=30+31+3				0
1	Chi của bệnh nhân ĐKBĐ tại cơ sở	30	0	0	0	0
2	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	31	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phát sinh trong quý	Điều chỉnh các quý trước	Tổng số phát sinh trong quý	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2	3=1+2	4
2.1	Nghị định 146	32				
2.2	Nghị định 70	33				
3	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	34	0	0	0	0
3.1	Nghị định 146	35				
3.2	Nghị định 70	36	0	0	0	0
3.2.1	Đối tượng QN	37				
3.2.2	Đối tượng CA	38				
3.2.3	Đối tượng CY	39				
V	Chi thanh toán từ nguồn tập trung	40=41+42	0	0	0	0
1	Chi KCB do quỹ BHYT thanh toán	41				
2	Chi cùng chi trả do Sở y tế/Quỹ KCB cho người nghèo/Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV phải trả	42				
B2	CHI KCB TỪ CHỐI QUYẾT TOÁN	43	26.070.759		26.070.759	117.192.159
B3	CHI KCB CHƯA QUYẾT TOÁN	44				
C	SỐ QUYẾT TOÁN TRONG KỲ	45=46+62	4.975.163.717	0	4.975.163.717	13.361.645.765
I	Quyết toán số chi KCB trong năm	46=47+59	4.545.276.296	0	4.545.276.296	12.931.758.344
1	Chi trong tổng mức thanh toán được quyết toán trong kỳ	47	4.544.265.305		4.544.265.305	12.927.729.044
1.1	Chi KCB ban đầu tại cơ sở	48	4.406.427.620		4.406.427.620	12.555.610.803
1.2	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh trong tỉnh	49	61.103.640		61.103.640	178.073.724
1.2.1	Nghị định 146	50	60.284.677		60.284.677	177.254.761
1.2.2	Nghị định 70	51	818.963		818.963	818.963
1.3	Chi KCB đa tuyến đến của người bệnh ngoại tỉnh	52	76.734.046		76.734.046	194.044.517
1.3.1	Nghị định 146	53	56.736.993		56.736.993	150.226.766
1.3.2	Nghị định 70	54	19.997.053		19.997.053	43.817.752
	Đối tượng QN	55	2.323.564		2.323.564	10.765.463
	Đối tượng CA	56	17.673.488		17.673.488	33.052.289
	Đối tượng CY	57	0		0	0
1.4	Chi KCB thanh toán tập trung từ nguồn quỹ BHYT	58				
2	Chi KCB tính ngoài tổng mức thanh toán	59=60+61	1.010.990		1.010.990	4.029.300
2.1	Nghị định 146	60	1.010.990		1.010.990	3.428.980
2.2	Nghị định 70 (chi ngoài phạm vi BHYT)	61	0		0	600.320
II	Bổ sung chi KCB năm trước	62	429.887.421		429.887.421	429.887.421
D	SỐ CHƯA QUYẾT TOÁN	63=64+65+66+67	241.908.720	0	241.908.720	259.931.758
1	Chi phí vượt tổng mức thanh toán, trong dự toán	64				
2	Chi phí vượt tổng mức thanh toán, vượt dự toán	65				
3	Chi trong tổng mức, vượt dự toán	66	241.908.720		241.908.720	259.931.758
4	Số chi KCB BHYT chưa thống nhất quyết toán	67			0	0
E	SỐ DƯ CUỐI KỲ	68			0	704.070.543
1	Tổng mức thanh toán chi KCB chuyển kỳ sau	69			0	0
2	Dự toán chi KCB chuyển kỳ sau	70	0		0	704.070.543
G	THANH TOÁN VỚI CƠ SỞ KCB	71			0	
I	Số tiền dư kỳ trước chuyển sang	72	-274.975.896		-274.975.896	794.004.253
II	Số tiền đã thanh toán trong kỳ	73	3.320.000.001		3.320.000.001	10.627.000.001
1	Số tiền thanh toán chi KCB quyết toán kỳ trước	74	274.975.896		274.975.896	274.975.896
2	Số tiền đã tạm ứng trong kỳ	75	3.045.024.105		3.045.024.105	10.352.024.105
3	Số tạm ứng 80% đối với chi KCB chưa thống nhất quyết toán kỳ trước, trong tổng mức thanh toán.	76			0	0
III	Số chi phải thanh toán theo số quyết toán trong kỳ (trừ chi phí thanh toán từ nguồn tập trung)	77	4.975.163.717		4.975.163.717	13.361.645.765
IV	Giảm trừ số chi đã quyết toán chi KCB năm trước	78	-440.880.390		-440.880.390	-430.378.490
V	Số tiền tạm ứng còn dư chuyển kỳ sau	79=72+73-77+78	-2.371.020.002	0	-2.371.020.002	-2.371.020.002

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phát sinh trong quý	Điều chỉnh các quý trước	Tổng số phát sinh trong quý	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2	3=1+2	4

1. Ý kiến của cơ quan BHXH:

- Bổ sung định mức giá năm 2017, 2018 theo CV2536 trên mã số 62 C82 với số tiền là: 429.887.421 đồng.
- Bổ sung dự toán KCB năm 2018 theo CV2800b trên mã 78 C82 số tiền là: -441.428.483 đồng.
- Giảm trừ số tiền theo CV3016 đa tuyến ngoại tỉnh đến năm 2018 trên mã 78 C82: 548,093 đồng.

2. Ý kiến của cơ sở khám, chữa bệnh:

- Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu kính đề nghị cơ quan BHXH thanh toán số tiền còn dư chuyển kỳ sau là: 4.321.524.226 đồng (Trong đó tính đến quý 3 năm 2019 là: 2.630.951.760 đồng và số chưa quyết toán của năm 2018 là: 1.690.572.466 đồng).

CƠ SỞ KHÁM, CHỮA BỆNH BHYT

TRƯỞNG PHÒNG KHTH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN BHXH

PHỤ TRÁCH GIÁM ĐỊNH

THỦ TRƯỞNG

Hà Văn Hải

Lê Hữu Ngọc

Đặng Tân Minh

Võ Thị Hoa

Vương Đình Hòa

